

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 6 - 2022

V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Khanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Trí Dũng**

Ông **Nguyễn Đức Cường**

Thư ký phiên tòa: Ông **Trần Minh Thắng** - Thư ký TAND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Kim Duyên** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 34/2022/ TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2022/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và Anh Nguyễn Minh H kết hôn ngày 17/01/2011. Đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống cùng với gia đình anh H tại Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được vài năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm do anh H hay uống rượu chửi, đui chửi. Mâu thuẫn kéo dài, chị không chịu nổi nên tháng 10/2021 chị đã đưa con trai là Nguyễn Anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

- Về con chung: Chị và anh H có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/9/2011; Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/01/2013; Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/12/2017. Hiện cháu T đang ở cùng chị bên nhà ngoại, còn cháu P và cháu N đang ở cùng anh H tại khu 4, xã N, huyện Đ. Chị đã nhiều lần về đón con, nhưng anh H ngăn cấm, gây khó khăn không cho chị đón con. Có lần chị về thăm con thì anh H đi làm vắng không ở nhà và đã để cháu N ở nhà một mình. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu T và cháu N. Vì cháu T sức khỏe yếu bẩm sinh từ nhỏ hiện tại chị vẫn đang nuôi, còn cháu N sinh năm 2017 còn nhỏ để ở với anh H chị không yên tâm. Chị đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu P. Nếu được nuôi cháu T và cháu N thì chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Anh Nguyễn Minh H trình bày: Anh và Chị Nguyễn Thị T kết hôn ngày 17/01/2011. Đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tìm hiểu tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống cùng với gia đình anh tại Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, không xảy ra cãi vã gì lớn, anh thừa nhận theo chị T thì thỉnh thoảng anh có uống rượu và chửi đươi chị T là đúng. Cuối năm 2021 chị T cùng con trai là cháu T bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/9/2011; Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/01/2013; Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/12/2017. Hiện cháu T đang ở cùng chị T, còn cháu P và cháu N đang ở cùng anh. Nguyên vọng của anh sau ly hôn là được tiếp tục nuôi dưỡng cháu P và cháu N, để chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu T. Không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án các bên đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

3. Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định của pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 Điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

+ Xử cho Chị Nguyễn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Minh H.

+ Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/9/2011 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/12/2017 cho Chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/01/2013 cho Anh Nguyễn Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

+ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ trong vụ án này là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn là Chị Nguyễn Thị T và bị đơn là Anh Nguyễn Minh H đều có nơi cư trú tại Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở lại phiên tòa hợp lệ cho anh H nhưng anh H không đến Tòa án để tham gia phiên tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Anh Nguyễn Minh H.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa Chị Nguyễn Thị T và chị Anh Nguyễn Minh H là hôn nhân hợp pháp, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn ngày 17/01/2011 tại UBND xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống cùng với gia đình của anh H tại Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Theo chị T thì vợ chồng chung sống hòa thuận được vài năm đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã do không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm, một phần do anh H uống rượu chửi đũa đuổi chị, mâu thuẫn kéo dài, chị không chịu nổi nên tháng 10/2021 chị đã đưa con trai là Nguyễn Anh T bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau. Nay xét thấy tình cảm không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Theo anh H thì quá trình chung sống vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì lớn, không xảy ra cãi vã gì lớn, anh thừa nhận có uống rượu như chị T nói là đúng. Đến cuối năm 2021 chị T cùng con trai là cháu T bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị T ở xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ đó. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn. Qua xác minh được chính quyền địa phương cung cấp trong cuộc sống chung vợ chồng chị T và anh H có mâu thuẫn, theo như chị T khai báo nguyên nhân là do vợ chồng sống không hợp nhau, anh H hay uống rượu chửi đũa đuổi chị, nhưng anh H không muốn ly hôn với chị T vì anh H muốn níu kéo để vợ chồng đoàn tụ. Thực tế anh chị đã sống ly thân nhau, chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Sài Lĩnh, xã Q, huyện S, tỉnh Tuyên Quang cùng với con trai là Nguyễn Anh T. Anh H và hai con là Nguyễn Minh P và Nguyễn Trung N đang ở Khu 4, xã N, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Mặc dù anh H muốn níu kéo tình cảm để vợ chồng đoàn tụ nhưng anh H không đưa ra được biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng, từ khi mẹ con chị T về nhà ngoại thì anh cũng không đến thăm và đón vợ con lần nào. Nay chị T vẫn nhất quyết ly hôn anh H. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh H là mâu thuẫn rất trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh H thống nhất vợ chồng có 03 con chung là Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/9/2011; Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/01/2013; Nguyễn

Trung N, sinh ngày 07/12/2017. Hiện cháu T đang ở cùng chị T, còn cháu P và cháu N đang ở cùng anh H. Khi ly hôn nguyện vọng của chị T được nuôi dưỡng cháu T và cháu N, để anh H nuôi dưỡng cháu P. Phía anh H đề nghị được nuôi dưỡng cháu P và cháu N. Chị T và anh H đều không đề nghị cấp dưỡng. Xét thấy nguyện vọng được nuôi con của chị T và anh H sau khi vợ chồng ly hôn là hoàn toàn chính đáng tuy nhiên theo chị T thì cháu T sức khỏe yếu bẩm sinh hiện chị vẫn đang nuôi dưỡng, còn cháu N sinh năm 2017 hiện còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, hơn nữa anh H phải đi làm để cháu N ở nhà một mình không có ông bà, người lớn trông giúp nên xét thấy nguyện vọng của chị T được nuôi cháu T và cháu N là phù hợp cần chấp nhận. Vì vậy cần giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/9/2011 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/12/2017 cho Chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/01/2013 cho Anh Nguyễn Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau do anh chị tự nguyện không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T, anh H không đề nghị Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Theo khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, chị T phải chịu theo quy định pháp luật.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, điểm a, khoản 1, Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng, án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử: cho chị Chị Nguyễn Thị T được ly hôn Anh Nguyễn Minh H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Anh T, sinh ngày 25/9/2011 và cháu Nguyễn Trung N, sinh ngày 07/12/2017 cho Chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao con chung là cháu Nguyễn Minh P, sinh ngày 24/01/2013 cho Anh Nguyễn Minh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị T và anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ. Xác nhận chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0004090 ngày 7/4/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoàn Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND huyện Đoan Hùng
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng
- Lưu HS + VP

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khanh